TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh Ph**

Bản án số: 19/2018/HS - ST
Ngày 12/9/2018.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
----------***----------

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH TUYÊN QUANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lương Thị Huệ.**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Hoàng Văn Lang.**
2. Ông **Quan Văn Ngụ.**

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà **Bùi Thị Hồng Phúc** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Quang Vinh** - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Tuyên Quang, Tòa án nhân dân huyện N tiến hành xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 19/2018/HSST ngày 23 tháng 7 năm 2018 đối với bị cáo:

Triệu Văn C;Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; sinh ngày: 14/8/1992; Nơi sinh: huyện N, tỉnh Tuyên Quang; Nơi cư trú: Thôn N, xã S, huyện N, tỉnh Tuyên Quang; Dân tộc: Dao; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Đảng, đoàn thể: Không; Trình độ học vấn: Lớp 9/12; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Họ và tên cha: Triệu Phúc Thọ, sinh năm 1965; Họ và tên mẹ: Bàn Thị Ch, sinh năm: 1967; Anh, chị em ruột: Có 04 anh chị em ruột, bị cáo là con thứ nhất; Vợ: Triệu Thị L sinh năm 1992, con: có 01 con sinh năm 2012; Tiền án, tiền sự: Không;

Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

Bị hại: Anh Đặng Văn Ch, sinh năm 1980 (Có mặt).

Trú tại: Thôn N, xã S, huyện N, tỉnh Tuyên Quang.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Bàn Thị Ch, sinh năm 1967(Có mặt).

Trú tại: Thôn N, xã S, huyện N, tỉnh Tuyên Quang.

Người làm chứng:

1. Ông Trần Đức Ph, sinh năm 1972 (vắng mặt).
2. Ông Vũ Văn C, sinh năm 1963 (vắng mặt).

Cùng trú tại: Tổ dân phố 12, thị trấn N, huyện N, tỉnh Tuyên Quang.

3. Anh Tạ Minh H, sinh năm 1976 (vắng mặt).

Trú tại: Tổ dân phố 13, thị trấn N, huyện N, tỉnh Tuyên Quang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do biết nhà Đặng Văn Ch trú cùng thôn có 01 chiếc máy cưa xăng nên Triệu Văn C nảy sinh ý định trộm cắp đem bán lấy tiền chi tiêu cá nhân. Khoảng 14 giờ 30 phút ngày 04/4/2018, C đi bộ đến nhà Ch thấy không có người ở nhà, C đi ra cửa bếp dùng tay kéo cánh cửa đi vào bếp rồi sang nhà chính, khi đi vào đến buồng ngủ của Ch thì nhìn thấy dưới gầm giường có 01 chiếc máy cưa nhãn hiệu Husqvarna - 365 màu đỏ nhạt, không có lam, xích, C trộm cắp chiếc cưa cho vào bao tải rứa màu trắng đem ra ngoài giấu ở bụi cỏ ven đường, rồi về nhà lấy xe mô tô BKS 22K8-3083 của bà Bàn Thị Ch (mẹ C) đem máy cưa ra nhà Trần Đức Ph, trú tại tổ dân phố 12, thị trấn N, huyện N, tỉnh Tuyên Quang, C nói với Ph *"họ không có tiền nên cắm nay không có tiền chuộc thì bán, chú xem có ai mua không?"*. Nghe xong Ph gọi điện thoại cho Vũ Văn C, trú cùng tổ với Ph đến xem, Triệu Văn C nói bán giá 8.000.000đồng, Vũ Văn C không mua, nên Triệu Văn C đem chiếc cưa đến nhà Tạ Minh H, trú tại: tổ dân phố 13, thị trấn N, huyện N hỏi bán giá 4.000.000đ, nhưng H không mua, do không bán được nên C đem chiếc cưa xăng cất giấu tại khu Công trường 06 cũ (thuộc tổ 2, thị trấn N, huyện N). Đến khoảng 21 giờ ngày 07/4/2018, C đem chiếc máy cưa trên sang để ở cửa bếp nhà Ch.

Tại thông báo kết luận số 94a/TBKL-HĐĐGTSTTHS ngày 29/4/2018 của Hội đồng định giá tài sản tố tụng hình sự huyện N, kết luận: 01 chiếc máy cưa xăng nhãn hiệu Husqvarna- 365, có giá trị: 2.858.450 đồng *(Hai triệu tám trăm năm tám nghìn, bốn trăm năm mươi đồng)*.

Về vật chứng vụ án: Quá trình điều tra CQĐT đã thu giữ: 01 chiếc máy cưa xăng nhãn hiệu Husqvarna -365 mầu đỏ nhạt, không có lam, xích (máy đã qua sử dụng). Ngày 12/6/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N đã ra Quyết định xử lý vật chứng số 09, trả lại tài sản cho anh Đặng Văn Ch.

Từ nội dung trên Cáo trạng số: 19/CT- VKSNH ngày 23/7/2018 truy tố bị cáo Triệu Văn C về tội *Trộm cắp tài sản* theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Sau khi xét hỏi tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N phát biểu lời luận tội giữ nguyên nội dung cáo trạng truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về hình phạt chính: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự; điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Triệu Văn C từ 06 tháng đến 08 tháng tù cho hưởng án treo, thử thách từ 12 tháng đến 16 tháng về tội *Trộm cắp tài sản*.

Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo thuộc diện hộ nghèo không có tài sản riêng gì có giá trị, nên không áp dụng hình phạt tiền bổ sung đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo và bị hại đã thỏa thuận và bồi thường xong công truy tìm tài sản, tại phiên tòa hôm nay bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không yêu cầu bồi thường, do vậy không đề nghị xem xét.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung của vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, lời khai của bị cáo, lời khai của những người tham gia tố tụng khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về nội dung vụ án: Khoảng 14 giờ 30 phút ngày 04/4/2018, Triệu Văn C đã có hành vi trộm cắp 01 chiếc máy cưa xăng nhãn hiệu Husqvarna - 365 màu đỏ nhạt, không có lam xích có giá trị 2.858.450 *(Hai triệu tám trăm năm tán nghìn, bốn trăm năm mươi đồng)* của anh Đặng Văn Ch, trú tại thôn N, xã S, huyện N, tỉnh Tuyên Quang.

[2] Xét lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát trình bày tại phiên tòa, là có căn cứ, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử xét thấy có đủ căn cứ để quy kết bị cáo Triệu Văn C phạm tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự . Do vậy Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện N truy tố bị cáo Triệu Văn C theo tội danh và điều luật nêu trên là hoàn toàn có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[3] Hành vi của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp của công dân được Nhà nước bảo vệ, xâm phạm đến trật tự trị an, an toàn xã hội, gây dư luận xấu tại địa phương. Bị cáo là người đủ năng lực nhận thức được hành vi của mình, nhưng vì tư lợi cá nhân đã lợi dụng sơ hở của người khác trong việc quản lý tài sản để chiếm đoạt tài sản một cách cố ý. Do đó cần phải xử phạt bị cáo mức án nghiêm minh và có hình phạt phù hợp nhằm giáo dục bị cáo và giáo dục phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự

Tình tiết tăng nặng: Không có.

Tình tiết giảm nhẹ: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại cho ông Đặng Văn Ch 600.000đ, bị cáo là người nghèo, người dân tộc thiểu số cư trú tại vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, nhận thức pháp luật còn hạn chế, tại phiên toà bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm b, i, s khoản 1và khoản 2 Điều 51 của BLHS.

Căn cứ vào tính chất, mức độ, hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo, bị cáo có nơi cư trú ổn định, rõ ràng. Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết cách ly bị cáo, cho bị cáo cải tạo tại địa phương cũng đủ giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không yêu cầu nên HĐXX không đề cập xem xét.

[6] Về vật chứng: Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện N ra quyết định xử lý vật chứng trả lại chiếc máy cưa xăng nhãn hiệu Husqvarna -365 mầu đỏ nhạt, không có lam, xích; Việc trả lại vật chứng của cơ quan điều tra cho bị hại là hoàn toàn phù hợp, đúng quy định của pháp luật.

[7] *Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử:* Qua xem xét, nghiên cứu hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định: Điều tra viên và Cơ quan điều tra Công an huyện; Kiểm sát viên và Viện kiểm sát nhân dân huyện, trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố, áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[8] Đối với bà Bàn Thị Ch là chủ sở hữu chiêc xe mô tô biển kiểm soát 22K8-3038, khi C lấy xe chở máy cưa xăng đi tiêu thụ bà Ch không biết. Do đó hội đồng xét xử không đề cập xử lý.

[9] Về án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo pH chịu án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Bị cáo Triệu Văn C phạm tội "*Trộm cắp tài sản*".

1. *Về hình phạt:* Căn cứ khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự; các điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Triệu Văn C 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách là 12 tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 12/9/2018).

Giao bị cáo Triệu Văn C cho UBND xã Sơn Phú, huyện N, tỉnh Tuyên Quang giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về án phí: Căn cứ Điều 135, 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Bị cáo Triệu Văn C phải chịu 200.000^{đ} (*Hai trăm nghìn đồng)* tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 12/9/2018)./.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh TQ;*
- *VKSND huyện, tỉnh;*
- *Sở Tư pháp;*
- *Chi cục THADS huyện N;*
- *Công an huyện N;*
- *Phòng HSNV- Công an tỉnh TQ;*
- *Bị cáo;*
- *UBND xã S;*
- *Lưu Hồ sơ, Lưu trữ.*

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Lương Thị Huệ